

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỈNH ĐẮK LẮK**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2023/DS-PT

Ngày 15 - 9 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng gửi  
giữ cà phê và vay tiền

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân và ông Nguyễn Tấn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLPT-DS ngày 10/7/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ cà phê và vay tiền”.

Do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án sơ thẩm số 10/2023/DSST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 217/2023/QĐ-PT ngày 25/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2023/QĐ-PT ngày 22/8/2023 giữa:

\* **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: Phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

\* **Bị đơn:** Tổng công ty cà phê VN; Địa chỉ: Phường X, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Lê Ngọc L- chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty cà phê VN – Công ty cà phê BH, có mặt;

- Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thị H – Chức vụ: Nhân viên Phòng tổ chức – Hành chính Địa chỉ: Phường ĐH, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Tô Tiến D – Luật sư Văn phòng luật sư LM thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

**\* Người kháng cáo:** Bị đơn Tổng công ty cà phê VN.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:**

Từ tháng 02 năm 1998 đến tháng 01 năm 2000, ông H nhập gửi 16 lần cà phê nhân và ứng vay tiền 16 lần tương ứng 70% giá trị của mỗi lần gửi cà phê với Công ty cà phê BH, ông H đã thanh toán 04 phiếu nhập gửi cà phê và có tổng cộng là vay tương ứng của 04 phiếu này. Còn lại 12 phiếu gửi cà phê có tổng cộng là 142.459,70 kg. Trong đó, 04 phiếu mang tên ông H, 04 phiếu mang tên ông S và 04 phiếu mang tên bà M và số tiền vay tương ứng của 12 phiếu gửi cà phê là 1.132.000.000 (Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Ngày 30 tháng 7 năm 2000, bà Nguyễn Thị M đã đi gặp đại diện của Công ty cà phê BH, hai bên đã lập biên bản “Công nợ và kho thu mua”. Tính đến ngày 20 tháng 7 năm 2000, hai bên đã xác định số lượng cà phê gửi là 142.459,70 kg, số tiền nợ tính cả lãi là 1.240.905.033 đồng. Sau khi lập biên bản, hai bên đã không quyết toán.

Đến ngày 11 tháng 01 năm 2005, Công ty cà phê BH đã mời ông H đến để quyết toán lần 1 và ngày 25 tháng 4 năm 2005, quyết toán lần 2. Hai bên quy tiền của số cà phê gửi rồi trừ vào số tiền ứng là lãi suất, còn lại lượng cà phê gửi là 6.770,10kg. Do không đồng ý với việc quyết toán của ông H, nên ngày 21 tháng 4 năm 2006 ông Hoàng Trọng Như S và bà Nguyễn Thị Thuỳ M khởi kiện đòi Công ty cà phê BH trả 142.460,70 kg cà phê nhân xô và chấp nhận trả 1.132.000.000 đồng cộng lãi suất cho Công ty cà phê BH.

Ngày 26 tháng 5 năm 2006, Toà án nhân dân huyện Krông Búk đã lập biên bản hoà giải về thoả thuận giữa các đương sự có nội dung:

Công ty cà phê BH trả 142.460,70 kg cà phê, ông S, bà M phải trả 1.132.000.000 đồng cộng lãi suất. Ngày 30 tháng 5 năm 2006 ông S, bà M thay đổi yêu cầu đòi trả 80.539,50 kg cà phê và xác định vay 95.000.000 đồng vì ông, bà xác định chỉ có 80.539,50 kg cà phê gửi giữ (04 phiếu mang tên ông S, 04 phiếu mang tên bà M). Việc ông S, bà M kiện đòi 80.539,50 kg cà phê nhân xô đã được các cấp Toà án xét xử yêu cầu khởi kiện đòi 80.539,50 kg cà phê của ông S, bà M không được chấp nhận. Tại Bản án số: 01/2020/KDTM – ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân thị xã BH và Bản án số: 11/2020/KSTM – PT ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét xử buộc Tổng công ty cà phê VN phải trả cho ông S và bà M số lượng 80.539,50 kg cà phê nhân xô.

Ngày 06 tháng 6 năm 2021, Công ty cà phê BH khởi kiện đòi ông H, ông S và bà M phải liên đới trả số tiền vay 1.132.000.000 đồng cộng với lãi suất. Tại Bản án số: 01/2022/KDTM-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã BH và Bản án số: 07/2022/KDTM-PT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử: Buộc ông S, bà M trả số tiền 2.120.210.230 đồng, ông H trả số tiền 1.630.105.769 đồng, đây là số tiền vay tương ứng 70% số

lượng cà phê của 04 phiếu gửi cà phê mang tên ông H. Sau đó, Công ty cà phê BH và vợ chồng ông S, bà M đã thi hành án xong giữa hai bên.

Vậy, 04 phiếu gửi cà phê mang tên ông H gồm các số: 62 ngày 02 tháng 12 năm 1998: 3.383,2 kg; Số: 551 ngày 14 tháng 01 năm 2000: 26.566 kg; số: 682 ngày 17 tháng 01 năm 2000: 13.928 kg; số: 983 ngày 20 tháng 01 năm 2000: 18.044 kg. Tổng cộng 61.921,2 kg cà phê nhân xô là thuộc quyền sở hữu của ông H và ông H đã phải trả số tiền vay + lãi suất 70% của 04 phiếu gửi cà phê này với số tiền 1.630.105.769 đồng. Vì vậy, đề nghị Toà án nhân dân thị xã BH giải quyết buộc: Tổng công ty cà phê VN phải trả cho ông H số lượng 61.921,2 kg cà phê nhân xô.

***\* Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:***

Năm 1998 đến năm 2000, Công ty cà phê BH với chức năng xuất khẩu cà phê, mục tiêu đạt doanh số lớn, hiệu quả cao đã cho người dân nói chung và khách hàng trên địa bàn nói riêng nhập (gửi) cà phê nhân xô vào kho công ty và ứng (vay) số tiền tương ứng là 70% giá trị lô hàng tại thời điểm.

Trong số khách hàng của Công ty có ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thuỳ M (Nguyễn Thị M) và ông Huỳnh Văn H đã nhập 12 lần gửi cà phê với số lượng 142.460,70 kg cà phê nhân xô và đã ứng 1.132.000.000 đồng, số hàng và số tiền được hai bên thừa nhận.

Ngày 25 tháng 4 năm 2005 ông H có cùng Công ty lập “Biên bản cân đối công nợ” nên Công ty nghĩ rằng việc gửi cà phê và ứng vay tiền hai bên đã xong trong đó có 142.460,70kg cà phê nhân xô đã thực hiện xong.

Tuy nhiên, bản chất của sự việc không như các bên đã xác lập ưng thuận, mà có việc ông S, bà M lại cho rằng số 142.460,70 kg cà phê nhân xô là của ông bà, sau đó lại cho rằng 80.539,5 kg dựa vào số phiếu gửi ghi tên ông S, bà M. Qua nhiều lần xét xử trước đó thì các bản án đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, bà M. Tại Bản án kinh doanh thương mại số: 01/2020/KDTM- ST, ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân thị xã BH và Bản án số: 11/2020/KSTM – PT ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk lại chấp nhận buộc Tổng công ty cà phê VN trả cho ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thuỳ M (Nguyễn Thị M) số cà phê 80.539,5 kg cà phê nhân xô.

Công ty cà phê BH tiếp tục làm đơn kiện buộc ông S, bà M và ông H phải trả số tiền 1.132.000.000 đồng và tiền lãi. Tại Bản án số: 11/2020/KDTM-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã BH và Bản án số: 07/2022/KDTM-PT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên: Buộc ông S, bà M trả 2.120.210.230 đồng (số tiền này Thi hành án thị xã BH đã tiến hành khấu trừ qua số cà phê nhân Công ty thi hành án cà phê giá thời điểm lập biên bản. Công ty đã nộp đủ số tiền sau khi trừ khoản trên cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH theo yêu cầu) và ông H số tiền 1.630.105.769 đồng. Sở dĩ Công ty tiến hành khởi kiện liên đới đòi tiền ông S, bà M và ông H là

do không xác định rõ quan hệ làm ăn giữa các cá nhân là ông S, bà M và ông H là như thế nào (lúc ông H khai là người làm công, làm thuê cho ông S, bà M, lúc lại khai là hai bên góp vốn làm ăn chung) nhưng Công ty không yêu cầu thi hành án đối với số tiền 1.630.105.769 đồng của ông H.

Quá trình giữa Công ty cà phê BH và ông H đã tiến hành đối trừ số cà phê gửi và số tiền vay ứng, cụ thể:

Tại phiếu chốt giá số: 06/CG 01-02 ngày 17 tháng 02 năm 2003 ông Huỳnh Văn H đã chốt giá 17.102,98 đồng và trả 181.750.000 đồng tiền vay ứng cà phê.

Tại bảng kê tính lãi và chốt cà gửi kho hoàn nợ ngày 25 tháng 4 năm 2005 có nội dung: Chốt 41.277 kg cà phê tính giá thời điểm 15.070 đồng/kg để thu nợ gốc và lãi có xác nhận của ông Huỳnh Văn H.

Ngày 25 tháng 4 năm 2005, ông Huỳnh Văn H có làm tờ trình về việc gửi cà phê ứng tiền tại Công ty có nêu rõ “Năm 2000 tôi có gửi cà phê tại kho công ty: 61.921,2 kg và ứng số tiền 479.000.000 đồng và đã trả lãi hai lần hết 17.102,2 kg, số còn lại nay tôi xin bán trả hết vốn và lãi cho Công ty”.

Như vậy, việc chốt giá bán trả nợ giữa Công ty và ông H đã được xác lập và có sự thuận tình của hai bên nên việc đồng ý chốt giá để trả nợ tại thời điểm 25 tháng 4 năm 2005 là không thể chối cãi.

Ngoài ra, trong các bản án từ năm 2011 đến nay ông H đều khẳng định toàn bộ 142.460,7 kg cà phê nhân xô (04 phiếu mang tên ông S, 04 phiếu mang tên bà M và 04 phiếu mang tên ông H) là của ông H và đã tiến hành ký chốt giá với công ty, phía Công ty không có bất kỳ văn bản hoặc lời khai tại Tòa nào bác bỏ việc đã ký chốt giá 61.921 kg cà phê với ông H như ông H đã nêu trong đơn.

Từ nội dung nêu trên, Tổng công ty cà phê VN đề nghị Tòa án bác đơn kiện của ông Huỳnh Văn H.

**Tại Bản án sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 562, Điều 563, Điều 565, Điều 566 và Điều 568 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H.

1. Buộc bị đơn là Tổng công ty cà phê VN phải trả cho ông Huỳnh Văn H số lượng 61.921,2 (Sáu mươi một nghìn chín trăm hai mươi một phẩy hai) kg cà phê nhân xô.

2. Về án phí: Tổng công ty cà phê VN phải chịu 102.466.325 (Một trăm lẻ hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Huỳnh Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.760.000 (Bốn mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/0018288, ngày 11 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* **Kháng cáo:** Ngày 30/5/2023, bị đơn Tổng công ty cà phê VN đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và xác định lại quan hệ tranh chấp là vụ án kinh doanh thương mại.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trình bày ý kiến tranh luận và vẫn giữ nguyên quan điểm của các bên.

**Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn Tổng công ty cà phê VN là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và kháng cáo của bị đơn Tổng công ty cà phê VN, thì thấy rằng:

[2.1] Từ năm 1998 đến năm 2000, giữa vợ chồng ông S, bà M với ông H có mối quan hệ mua bán cà phê, vay tiền với Công ty cà phê BH thuộc Tổng công ty cà phê VN. Trong khoảng thời gian này, ông H đã 12 lần nhập cà phê vào kho của Công ty cà phê BH với số lượng 142.460,7 kg cà phê nhân xô, đồng thời vay của Công ty số tiền 1.132.000.000 đồng. Số lượng cà phê nói trên được Công ty cà phê BH lập phiếu biên nhận, trong đó có 04 phiếu ghi tên ông S, 04 phiếu ghi tên

bà M và 04 phiếu ghi tên ông H. Sau khi nhập kho gửi giữ số lượng cà phê nói trên và vay tiền thì ông H đã đưa toàn bộ 12 phiếu này cho vợ chồng ông S, bà M giữ. Như vậy, việc ông H với vợ chồng ông S và bà M có quan hệ làm ăn chung bằng việc ghi tên của từng người trên các phiếu nhập cà phê là có cơ sở. Sau đó, vợ chồng S và bà M đã khởi kiện yêu cầu Tổng công ty cà phê VN phải trả số lượng 80.539,5 kg cà phê nhân xô tại 08 phiếu nhập cà phê ghi tên ông S và bà M. Còn ông H đến nay mới khởi kiện yêu cầu Công ty trả số lượng 61.921,2 kg cà phê nhân xô tại 04 phiếu ghi tên mình đã nhập kho Công ty.

Xét thấy, tại Bản án số 01/2020/KDTM-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ và Bản án số 11/2020/KDTM –PT ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S) và bà Nguyễn Thị Thùy M (Nguyễn Thị M). Buộc bị đơn Tổng công ty cà phê VN phải trả cho vợ chồng ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S) và bà Nguyễn Thị Thùy M (Nguyễn Thị M) số lượng 80.539,5 kg cà phê nhân xô. Sau đó ngày 16/6/2021, Tổng công ty cà phê VN đã khởi kiện buộc ông S, bà M và ông H phải liên đới trả số tiền 1.132.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi và tại Bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã BH và Bản án số 07/2022/KDTM-PT ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty cà phê VN. Buộc ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ liên đới trả tiền theo phần cho Tổng công ty cà phê VN số nợ gốc 1.132.000.000 đồng và lãi suất 0,9%/tháng tính từ ngày 30/7/2000 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/01/2022, tính tròn 257 tháng. Nghĩa vụ liên đới cụ thể như sau:

Ông Hoàng Trọng Như S (Hoàng Trọng S), bà Nguyễn Thị Thùy M có nghĩa vụ liên đới trả cho Tổng công ty cà phê VN tổng số tiền: 2.120.210.230 (Hai tỷ một trăm hai mươi triệu hai trăm mười nghìn hai trăm ba mươi đồng). Trong đó, nợ gốc: 639.966.867 đồng, tiền lãi suất: 1.480.243.363 đồng.

Ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho Tổng công ty cà phê VN tổng số tiền: 1.630.105.769 (Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu một trăm lẻ năm nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc 492.033.133 đồng, tiền lãi suất: 1.138.072.636 đồng.

Như vậy, căn cứ vào các bản án đã có hiệu lực pháp luật nói trên thì đã xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông H phải thực nghĩa vụ liên đới của mình để trả cho Tổng công ty cà phê VN tổng số tiền: 1.630.105.769 (Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu một trăm lẻ năm nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc 492.033.133 đồng, tiền lãi suất: 1.138.072.636 đồng. Đây là số tiền vay tương ứng với số lượng 61.921,2 kg cà phê nhân xô (04 phiếu) mà ông H gửi giữ và vay tiền của Công ty cà phê BH thuộc Tổng công ty cà phê VN.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bị đơn Tổng công ty cà phê VN phải trả cho ông H số lượng 61.921,2 kg cà phê nhân xô là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và hủy bản án sơ thẩm.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự là không có cơ sở. Bởi lẽ:

Theo đơn khởi kiện ông Huỳnh Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Tổng công ty cà phê VN phải trả cho ông H số lượng 61.921,2 kg cà phê nhân xô mà ông H đã gửi giữ như đã phân tích ở phần trên. Xét thấy, một bên chủ thể của hợp đồng (ông H) là cá nhân, không có đăng ký kinh doanh và ông H cũng không phải là thành viên của Công ty, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

[3] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng công ty cà phê VN – Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 562, Điều 563, Điều 565, Điều 566 và Điều 568 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H: Buộc bị đơn là Tổng công ty cà phê VN phải trả cho ông Huỳnh Văn H số lượng 61.921,2 (Sáu mươi một nghìn chín trăm hai mươi một phẩy hai) kg cà phê nhân xô.

[2] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Tổng công ty cà phê VN phải chịu 102.466.325 (Một trăm lẻ hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Huỳnh Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.760.000 (Bốn mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/0018288, ngày 11/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

- *Án án phí dân sự phúc thẩm:* Tổng công ty cà phê VN phải chịu người 300.000 đồng án phí dân sự phúc phẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2021/0018592 ngày 08/6/2023.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- CC THADS thị xã BH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Hoàng Kim Khánh**